

**ĐỘNG TỪ (P5)****Thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn (The present perfect continuous tense)****I. Tóm tắt lý thuyết****1. Hình thức**

- **Khẳng định** : have / has + been + V\_ing ; **Phủ định** : haven't / hasn't + been + V\_ing

- **Nghi vấn** : Have / Has + S + been + V\_ing ?

Ví dụ: I have been studying English for 3 years now.

She hasn't been waiting for a long time.

Have you been waiting for a long time?

What have you been studying for 3 years now?

**Lưu ý:** Không có dạng bị động của thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn.

**2. Cách dùng**

\* **Giống thì hiện tại hoàn thành nhưng nhấn mạnh tính liên tục, tiếp diễn của hành động**

Ví dụ: It began raining two hours ago and it is still raining.

→ How long has it been raining?

→ It has been raining for two hours.

\* **Lưu ý:** Hiện tại hoàn thành nhấn mạnh kết quả của hành động còn hiện tại hoàn thành tiếp diễn nhấn mạnh tính liên tục của hành động.

Ví dụ 1:

Her clothes are covered in paint. She has been painting the ceiling.

The ceiling was white. Now it is red. She has painted the ceiling.

Ví dụ 2:

Joe has been eating too much recently. He should eat less.

Somebody has eaten all my chocolates. The box is empty.

\* Những động từ mang tính quá trình thường được dùng với thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn là: **learn, study, live, rain, sleep, drive, sit, snow** (tuyết rơi), **stand, stay, wait, work, play**.

Ví dụ: - I have been waiting for 2 hours.

- It has been raining all day.

\* **Lưu ý:** Hiện tại hoàn thành tiếp diễn và hiện tại hoàn thành thường có thể dùng qua lại lẫn nhau. Ví dụ:

How long have you learnt English ?

How long have you been learning English ?

It has snowed for a long time. (Trời đã có tuyết được một lúc lâu).

It has been snowing for a long time.

Tuy nhiên, có một số động từ không được dùng ở tiếp diễn (xem lại bài động từ P1) tức là hiện tại hoàn thành tiếp diễn không thể thay hiện tại hoàn thành.

Ví dụ:

- How long have you known each other ? (Bạn biết nhau bao lâu rồi ?)

- He's been in hospital since his accident. (Anh ta đã ở bệnh viện từ lúc xảy ra tai nạn).

**Ở câu chủ động, không có hình thức tiếp diễn của to be.**

**Lưu ý:** Hiện tại hoàn thành tiếp diễn diễn đạt một hành động mang tính liên tục, quá trình nên ta không dùng nó khi đề cập số lần.

Ví dụ: - I have seen this film twice. → Không dùng: I have been seeing this film twice.

- I've knocked 5 times. I don't think anybody's in. (Tôi đã gõ cửa 5 lần. Tôi không nghĩ là có ai ở trong nhà cả).

Nhưng nếu không dùng cách đếm số lần thì ta dùng hiện tại hoàn thành tiếp diễn:

I've been knocking. I don't think anybody's in.

### **3. Bài tập vận dụng**

#### **CHIA ĐỘNG TỪ Ở THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH / HIỆN TẠI HOÀN THÀNH TIẾP DIỄN**

1. Laura never (win) a beauty contest.
2. I (listen) to the new Tom Waits CD yet.
3. (you see) any good films recently?
4. The population of India (increase) since 1992.
5. You ever (write) a love letter for Valentine' Day?
6. You ever (meet) a famous person?
7. We already (see) the film at home.
8. My boy friend (give) up smoking for 2 months.
9. You can have that newspaper. I (finish) with it.
10. There is no more cheese. I (eat) it all, I'm afraid.
11. The bill isn't right. They (make) a mistake.
12. Don't you want to see this program? It (start).
13. It'll soon get warm in here. I (turn) the heating on.
14. Someone (take) my bicycle.
15. You ever (eat) Sushi?
16. She (not/come) here for a long time.
17. I (work) here for three years.
18. You ever (be) to New York?
19. You (not/do) your project yet, I suppose.
20. I just (see) Andrew and he says he already (do) about half of the plan.
21. I just (decide) to start working next week.
22. He (be) at his computer for seven hours.
23. She (not/have) any fun for a long time.
24. My father (not/ play) any sport since last year.
25. I don't live with my family now and we (not/see) each other for five years.
26. I just (realize) that there are only four weeks to the end of term.
27. How long (you/know) each other?
28. (You/ take) many photographs ?
29. (She/ eat) at the Royal Hotel yet ?
30. He (live) here all his life.
31. She (visit) Hanoi several times this year.
32. He (lose) all his fortune in gambling.

33. It's the most difficult exam I ever (take).
34. This is the first time I (be) Ha Long Bay.
35. Is this the second time he (lose) his job ?
36. I (buy) a new carpet. Come and look at it.
37. She (write) three poems about her fatherland.
38. We (finish) three English courses.
39. The foreign visitors (take) a lot of photographs of Hanoi city.
40. (you/have) a reply to your letter ?
41. I (not/meet) her again since her last birthday.
42. He drives very carefully; he never (have) any accidents.
43. I (have) a cold for two weeks.
44. You (grow) since the last time I saw you.
45. My car (break) down three times this week.
46. We (listen) to that song many times.
47. Marry left school in 2005 and up to now she (be) still jobless.
48. We (get) plenty of wine. You shouldn't buy them.
49. The house is dirty. I (not/clean) it for weeks.
50. I'll do the shopping when I (finish) cleaning the flat.

## **II. Bài về nhà : Present Perfect Simple or Present Perfect Continuous**

### **Exercise 1**

1. \_\_\_\_\_ (they / arrive) already?
2. Lucy \_\_\_\_\_ (run) 2000 metres today.
3. I \_\_\_\_\_ (clean) all morning – I'm fed up!
4. How long \_\_\_\_\_ (you / know) Simon?
5. Look! Somebody \_\_\_\_\_ (break) that window.
6. Sorry about the mess! I \_\_\_\_\_ (bake).
7. How many times \_\_\_\_\_ (you / take) this exam?
8. He \_\_\_\_\_ (eat) six bars of chocolate today!
9. Julie \_\_\_\_\_ (cook) dinner. Let's go and eat!
10. The students \_\_\_\_\_ (finish) their exams. They're very happy.
11. Where have you been? \_\_\_\_\_ (you / play) tennis?
12. Iona is exhausted these days. She \_\_\_\_\_ (work) too hard recently.
13. Luke \_\_\_\_\_ (never / be) abroad.
14. I \_\_\_\_\_ (wait) for three hours already !
15. \_\_\_\_\_ (you / finish) your homework yet?
16. How long \_\_\_\_\_ (you / be) a lawyer?
17. I \_\_\_\_\_ (read) your book all day. It's very interesting, but I'm only on chapter 2.
18. She \_\_\_\_\_ (drink) ten glasses of water!
19. I \_\_\_\_\_ (have) my dog for sixteen years.
20. Help, I \_\_\_\_\_ (lose) my wallet! How can I get home?

### **Exercise 2.**

1. \_\_\_\_\_ (you / buy) your train ticket yet?
2. The kitchen is a complete mess! What \_\_\_\_\_ (the children / do)?
3. Julie \_\_\_\_\_ (learn) to drive for six years!
4. My brother is an actor. He \_\_\_\_\_ (appear) in several films.
5. How much coffee \_\_\_\_\_ (she / drink) this morning?
6. Simon \_\_\_\_\_ (write) three books.
7. I \_\_\_\_\_ (do) everything I needed to do today! Hurray!
8. It \_\_\_\_\_ (not / rain) all summer, so the garden is dead.
9. I \_\_\_\_\_ (read) your book. Here it is, thank you.
10. She \_\_\_\_\_ (forget) how to get to my house.
11. I \_\_\_\_\_ (work) in the garden all day and I need a rest.
12. She \_\_\_\_\_ (make) three cakes. They look delicious!
13. David feels great these days. He \_\_\_\_\_ (get) up early lately.
14. We \_\_\_\_\_ (always / hate) rush hour traffic.
15. Recently, I \_\_\_\_\_ (study) a lot. My exams are in a few weeks.
16. We \_\_\_\_\_ (write) this book for months and months.
17. I \_\_\_\_\_ (always / love) chocolate.
18. I \_\_\_\_\_ (want) to go back to university for a long time.
19. What's that delicious smell? \_\_\_\_\_ (you / cook)?
20. I \_\_\_\_\_ (watch) seven films this week!

**Answers:****Exercise 1.**

- |                      |                      |                           |                      |
|----------------------|----------------------|---------------------------|----------------------|
| 1. Have they arrived | 2. has run           | 3. 've been cleaning      | 4. have you known    |
| 5. has broken        | 6. 've been baking   | 7. have you taken         | 8. has eaten         |
| 9. has cooked        | 10. have finished    | 11. have you been playing | 12. has been working |
| 13. has never been   | 14. 've been waiting | 15. Have you finished     | 16. have you been    |
| 17. 've been reading | 18. has drunk        | 19. 've had               | 20. 've lost         |

**Exercise 2.**

1. Have you bought	2. have the children been doing	3. has been learning	4. has appeared
5. has she drunk	6. has written	7. Have done	8. hasn't rained
9. have read	10. has forgotten	11. have been working	12. has made
13. Has been getting	14. have always hated	15. 've been studying	16. 've been writing
17. 've always loved	18. 've wanted	19. Have you been cooking	20. have watched